

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2022/HSST
Ngày 28 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tấn

- Bà Chu Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Tinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2022/HSST, ngày 12 tháng 8 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐ-XXST-HS ngày 16/9/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị O** (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 01/01/1972 tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 6, xã L, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Xóm 2, xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể): Không; Họ tên cha: Trần Hoàng M, sinh năm 1947 (Đã chết); Họ tên mẹ: Lê Thị H, sinh năm 1952 (Đã chết); Anh, chị, em ruột trong gia đình có 04 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Chồng: Đặng Văn T; Sinh năm 1964; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/04/2022 đến ngày 23/4/2022. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2022 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm 4, xã L, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 8 năm 2021, Trần Thị O đã thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978, trú tại xóm 4, xã L, huyện Yên Thành, tỉnh

Nghệ An, bằng hình thức đưa tiền mặt tại nhà của Trần Thị O ở xóm 2, xã L, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Các giao dịch cho vay cụ thể như sau:

- Vào ngày 30/5/2021, chị Nguyễn Thị M vay của Trần Thị O số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) thì O đồng ý, với mức lãi suất là 5.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày) x 365 ngày, tương đương với mức lãi suất 182.5%/năm, gấp 9.125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Hai bên thống nhất đến ngày 08/6/2021 (10 ngày) thì chị M phải trả cho Trần Thị O tiền gốc và tiền lãi. Đến ngày 08/6/2021 chị Minh trả cho Trần Thị O số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi của khoản vay trên. Theo quy định của pháp luật, tiền lãi tối đa mà Trần Thị O được phép thu của chị Nguyễn Thị M là $20\%/365 \text{ ngày} \times 90.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ ngày} = 493.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp Trần Thị Oanh được hưởng từ giao dịch cho vay tiền này là $4.500.000 \text{ đồng} - 493.000 \text{ đồng} = 4.007.000 \text{ đồng}$ (Bốn triệu không trăm linh bảy nghìn đồng).

- Vào ngày 04/6/2021, Trần Thị O cho chị Nguyễn Thị M vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 04/6/2021 đến ngày 03/8/2021 (61 ngày), với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày, cứ 10 ngày trả lãi một lần. Tuy nhiên, trong quá trình chị M trả tiền lãi, Trần Thị O đã tính lãi thêm 04 ngày. Như vậy, số tiền lãi thực tế mà chị M phải trả là 5.328 đồng, tương đương với mức lãi suất 194,4%/năm, gấp 9,72 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 14/7/2021, chị M viết cho Trần Thị Oanh một giấy vay nợ đề ngày 14/7/2021 và hủy giấy vay nợ ngày 04/6/2021. Chị M đã trả tiền lãi cho khoản vay này cho Trần Thị O với tổng số tiền là 32.500.000 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Theo quy định của pháp luật, tiền lãi tối đa mà Trần Thị O được phép thu của chị Nguyễn Thị M là $20\%/365 \text{ ngày} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 61 \text{ ngày} = 3.342.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp Trần Thị O được hưởng từ giao dịch cho vay tiền này là $32.500.000 \text{ đồng} - 3.342.000 \text{ đồng} = 29.158.000 \text{ đồng}$ (Hai mươi chín triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- Vào ngày 09/6/2021, Trần Thị O cho chị M vay số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày, cứ 10 ngày trả lãi một lần, thời hạn vay từ ngày 09/6/2021 đến ngày 06/8/2021 (59 ngày). Tuy nhiên, trong quá trình chị M trả tiền lãi, Trần Thị O đã tính lãi thêm 02 ngày. Như vậy, số tiền lãi thực tế mà chị M phải trả là 5.162 đồng, tương đương với mức lãi suất 188,41%/năm, gấp 9,42 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Ngày 13/7/2021, chị Minh viết lại cho Trần Thị O một giấy vay nợ đề ngày 13/7/2021. Chị Nguyễn Thị M đã trả tiền lãi cho khoản vay này cho Trần Thị O với tổng số tiền là 33.500.000 đồng (Ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Theo quy định của pháp luật, tiền lãi tối đa mà Trần Thị O được phép thu của chị Nguyễn Thị M là: $20\%/365 \text{ ngày} \times 110.000.000 \text{ đồng} \times 59 \text{ ngày} = 3.556.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bất hợp pháp Trần Thị O được hưởng từ giao dịch cho vay tiền này là $33.500.000 \text{ đồng} - 3.556.000 \text{ đồng} = 29.944.000 \text{ đồng}$ (hai mươi chín triệu chín trăm bốn mươi tư nghìn đồng).

- Vào ngày 29/7/2021, Trần Thị O cho chị M vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1.000.000đ/ngày, thời hạn vay từ ngày 29/7/2021 đến ngày 05/8/2021 (08 ngày). Ngày 05/8/2021 chị Nguyễn Thị M đã trả cho Trần Thị O số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và số tiền 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi của khoản vay này, tương đương mức lãi suất 5.250đ/triệu/ngày, tương đương với 191,6%/năm, gấp 9,58 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 BLDS. Theo quy định của pháp luật, tiền lãi tối đa mà Trần Thị O được phép thu của chị Nguyễn Thị M là $20\%/365 \text{ ngày} \times 200.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ ngày} = 877.000\text{đ}$ (tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Số tiền lãi bất hợp pháp Trần Thị O được hưởng từ giao dịch cho vay tiền này là $8.400.000 \text{ đồng} - 877.000 \text{ đồng} = 7.523.000 \text{ đồng}$ (Bảy triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Đến ngày 08/8/2021, Trần Thị O hẹn chị Nguyễn Thị M đến nhà ở của mình để gộp các khoản nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà chị M vay ngày 04/6/2021 và 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) chị M vay ngày 09/6/2021, thành khoản vay 210.00.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), với mức lãi suất là 5.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày) $\times 365 \text{ ngày}$, tương đương với mức lãi suất 182.5%/năm, gấp 9.125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Cứ 10 ngày thì chị M phải trả lãi khoản vay trên cho Trần Thị O. Chị M đã trả tiền lãi của khoản vay này từ ngày 08/8/2021 đến ngày 06/11/2021 (91 ngày) cho Trần Thị O với tổng số tiền 95.600.000 đồng (Chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Theo quy định của pháp luật, tiền lãi tối đa mà Trần Thị O được phép thu của chị Nguyễn Thị M là $20\%/365 \text{ ngày} \times 210.000.000 \text{ đồng} \times 91 \text{ ngày} = 10.471.000\text{đ}$ (mười triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng). Số tiền lãi bất hợp pháp Trần Thị O được hưởng từ giao dịch cho vay tiền này là $95.600.000 \text{ đồng} - 10.471.000 \text{ đồng} = 85.129.000 \text{ đồng}$ (tám mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Đối với khoản tiền nợ gốc này, chị M chưa trả cho Trần Thị O. 10.471.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền mà Trần Thị O sử dụng để cho chị Nguyễn Thị M vay là 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng). Tổng số tiền lãi bất hợp pháp Trần Thị O được hưởng từ giao dịch cho vay tiền đối với chị Nguyễn Thị M trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2021 là 155.761.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng). Số tiền lãi mà Trần Thị O được phép thu của chị Nguyễn Thị M theo qui định của pháp luật là 18.739.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Tổng số tiền vay (nợ gốc) mà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị M đã trả cho Trần Thị O là 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Số tiền vay (nợ gốc) mà chị M chưa trả cho Trần Thị O là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

* Về việc thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 (một) hợp đồng cho vay tiền đề ngày 13/7/2021 được in trên nền giấy A4 bằng mực màu đen, được viết bằng mực màu xanh, dưới phần “Đại diện bên B” đề tên “Nguyễn Thị M” và được điểm chỉ bằng mực màu đỏ, bản gốc; 01 (một) hợp đồng cho vay tiền đề ngày 14/7/2021 được in trên nền giấy A4 bằng mực màu đen,

được viết bằng mực màu xanh, dưới phần “Đại diện bên B” đề tên “Nguyễn Thị M” và được điểm chỉ bằng mực màu đỏ, bản gốc; 01 (một) hợp đồng vay tiền đề ngày 08/8/2021 được in trên nền giấy A4 bằng mực màu đen, được viết bằng mực màu xanh, dưới phần “bên vay” đề tên “Nguyễn Thị M” và được điểm chỉ bằng mực màu đỏ; dưới phần “bên cho vay” đề tên “Trần Thị O”, bản gốc; 04 (bốn) tờ giấy kẻ ngang, nhãn hiệu “MINH CHÂU”, màu trắng, đều có kích thước (30x15) cm, được viết bằng mực màu xanh, bản gốc. Những vật chứng trên được lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus, màu hồng, bên trong có gắn sim số: 0962587689, số Imei: 356710088547512 đã qua sử dụng thu của Trần Thị O đã được Công an huyện Yên Thành chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành chờ xử lý.

* Về phần dân sự: Chị Nguyễn Thị M yêu cầu Trần Thị O trả lại số tiền lãi bất hợp pháp mà Trần Thị O đã thu của chị, số tiền 155.761.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng). Số tiền lãi bất hợp pháp nêu trên Trần Thị O chưa trả cho chị Nguyễn Thị M.

Tại bản cáo trạng số: 101/CT-VKS-YT, ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An truy tố Trần Thị O về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Thị O và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị O từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

* Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus màu hồng, bên trong có gắn sim số: 0962587689, số Imei: 356710088547512, đã qua sử dụng thu của Trần Thị Oanh.

- Truy thu tại bị cáo Trần Thị O tổng số tiền 308. 739.000 đ (*Ba trăm linh tám triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 290.0000.000 đồng và 18.739.000 đồng là tiền lãi suất 20% / năm để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu số tiền gốc 210.000.000 đ (Hai trăm mười triệu đồng) bị cáo cho chị Nguyễn Thị M vay để sung quỹ nhà nước.

* Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo không tranh luận đối đáp gì với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát, bị cáo đề nghị hội đồng xét xử, xem xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Thị O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị M người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 8 năm 2021, tại nhà ở của Trần Thị O tại xóm 2, xã L, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, Trần Thị O đã cho chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978, trú tại xóm 4, xã L, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, với tổng số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), với lãi suất từ 182.5%/năm đến 191,6%/năm, cao gấp 9.125 lần đến 9,58 lần mức lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền mà Trần Thị O thu lợi bất hợp pháp là 155.761.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng), nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Trần Thị O về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là một vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự do bị cáo Trần Thị O thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh xem thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm quy định của nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, gây bất bình, làm mất trật tự an toàn xã hội, vì vậy cần xử lý nghiêm đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu, quá trình điều tra truy tố, xét xử thành khẩn khai báo tỏ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đã đến công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Thời gian gần đây loại tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự có chiều hướng ngày càng gia tăng, hoạt động ngày càng tinh vi, xảo quyệt gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử, đã gây ra nhiều hệ lụy cho cộng đồng và xã hội. Đối tượng cho vay lãi nặng là những người có tiền, hoạt động như xã hội đen, sẵn sàng xử lý những người vay nợ khi chưa

thanh toán nợ bằng nhiều cách. Để trấn áp loại tội phạm này cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Thị O là cần thiết.

[6] Xử lý số tiền là phương tiện phạm tội và số tiền lãi trong hạn mức 20%/năm:

Bị cáo Trần Thị O đã sử dụng số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) cho chị Nguyễn Thị M vay với 5 giao dịch. Khi vụ việc chưa bị phát giác bị cáo Oanh đã thu về số tiền gốc 290.000.000 đ, số tiền gốc 210.000.000 đồng còn lại người vay chưa trả cho bị cáo O. Xét thấy số tiền 500.000.000 đ là phương tiện phạm tội, cần phải truy thu tại số tiền này tại bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền lãi trong hạn mức 20%/năm mà bị cáo O đã thu từ 5 giao dịch là 18.739.000 đồng là tiền lãi hợp pháp. Nhưng do số tiền này phát sinh từ số tiền gốc cho vay (phương tiện phạm tội), nên cần truy thu tại bị cáo Trần Thị Oanh để sung quỹ nhà nước.

Tổng số tiền phải truy thu tại bị cáo Trần Thị O là 308.739.000 đ (*Ba trăm linh tám triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 290.0000.000 đ, tiền lãi 18.739.000 đồng.

Truy thu số tiền gốc tại chị Nguyễn Thị M tổng số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*) để sung quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Thị O đã thực hiện 05 giao dịch cho cá nhân chị Nguyễn Thị M vay tiền, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 155.761.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng*). Số tiền này bị cáo O đang quản lý chưa trả lại cho người vay. Đây là tiền lãi suất vượt quá qui định nên cần buộc bị cáo Oanh phải có trả lại cho chị Nguyễn Thị M.

[8] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ của Trần Thị O 01 (một) hợp đồng cho vay tiền đề ngày 13/7/2021 được in trên nền giấy A4 bằng mực màu đen, viết bằng mực màu xanh, dưới phần “Đại diện bên B” đề tên “Nguyễn Thị M” và được điểm chỉ bằng mực màu đỏ, bản gốc; 01 (một) hợp đồng cho vay tiền đề ngày 14/7/2021 được in trên nền giấy A4 bằng mực màu đen, được viết bằng mực màu xanh, dưới phần “Đại diện bên B” đề tên “Nguyễn Thị M” và được điểm chỉ bằng mực màu đỏ, bản gốc; 01 (một) hợp đồng vay tiền đề ngày 08/8/2021 được in trên nền giấy A4 bằng mực màu đen, được viết bằng mực màu xanh, dưới phần “bên vay” đề tên “Nguyễn Thị M” và được điểm chỉ bằng mực màu đỏ; dưới phần “bên cho vay” đề tên “Trần Thị O”, bản gốc; 04 (bốn) tờ giấy kẻ ngang, nhãn hiệu “MINH CHÂU”, màu trắng, đều có kích thước (30x15) cm, được viết bằng mực màu xanh, bản gốc. Những tài liệu này là chứng cứ chứng minh cho việc phạm tội của Trần Thị O nên cần được lưu tại hồ sơ vụ án đúng qui định.

-Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus, màu hồng, bên trong có gắn sim số: 0962587689, số Imei: 356710088547512, đã qua sử dụng, thu giữ của Trần Thị O là phương tiện phạm tội bị cáo dùng để giao dịch, hoạt động cho vay nặng lãi, nên cần tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

[9] Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- **Xử phạt:** Bị cáo Trần Thị O 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thử thách là 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách đối với bị cáo được tính từ ngày ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 28 /9/2022).

Giao bị cáo Trần Thị O cho UBND xã Liên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo được thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị O với số tiền 30.000.000đ (Bằng chữ: *Ba mươi triệu đồng*)

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

+/Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8Plus màu hồng, bên trong có gắn sim số: 0962587689, số Imei: 356710088547512, đã qua sử dụng thu của Trần Thị O. Chiếc điện thoại này đã được Công an huyện Yên Thành chuyển cho chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/8/2022 và phiếu nhập kho số: NK 149 ngày 09/8/2022.

+/Truy thu tại bị cáo Trần Thị O tổng số tiền 308.739.000 đ (*Ba trăm linh tám triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 290.0000.000 đồng, tiền lãi trong hạn mức 20%/năm là 18.739.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

+/ Truy thu số tiền vay (nợ gốc) 210.000.000đ (Bằng chữ: *Chín mươi lăm triệu đồng*) tại chị Nguyễn Thị M người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo Trần Thị O để sung quỹ Nhà Nước

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, 579, 580 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Thị O phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính cho chị Nguyễn Thị M 155.761.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị O phải nộp 200.000đ (Bằng chữ: *Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 7.788.000đ (Bằng chữ: *Bảy triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên toà án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên toà án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Yên Thành;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS Yên Thành;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc